PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định quản lý Chương trình Phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020

Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.[1]

---

[1] Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 *(sau đây gọi tắt là Chương trình)* được phê duyệt tại Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện, quản lý Chương trình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thị trường khoa học và công nghệ* là môi trường pháp lý, đầu tư và thương mại thúc đẩy quan hệ giao dịch, trao đổi, mua bán các sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ được vận hành có sự định hướng, điều tiết và hỗ trợ của Nhà nước.

2. *Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là tổ chức trung gian)* là tổ chức được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 và có chức năng quy định tại Điều 3 của Thông tư số 16/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

3. *Xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ* là hoạt động thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội, hỗ trợ giao dịch, trao đổi, mua bán sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ thông qua các hình thức như hội chợ, triển lãm, trình diễn, giới thiệu công nghệ của tổ chức ở trong và ngoài nước.

4. *Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là tổ chức chủ trì)* là tổ chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. *Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình* là Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020"

6.[2] *Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình* là Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. *Ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Ban Chủ nhiệm Chương trình)* là tổ chức tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xác định phương hướng, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình trong từng giai đoạn.

Điều 3. Nhiệm vụ thuộc Chương trình[3]

1. Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm:

a) Đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình được quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

b) Dự án đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ được quy định tại Điều 8 của Thông tư này; Dự án xây dựng các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ được quy định tại Điều 10 của Thông tư này;

c) Dự án khoa học và công nghệ được quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 và Điều 15 của Thông tư này;

d) Nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ được quy định tại Khoản 2 Điều này;

đ) Hoạt động quản lý của Chương trình được quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Tổ chức hoặc tham gia các sự kiện chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techmart ảo, Techmart trực tuyến; vận hành cổng thông tin giao dịch công nghệ, sàn giao dịch công nghệ; hội thảo, tọa đàm phổ biến công nghệ thích hợp, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến;

b) Trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo); xúc tiến thương mại hóa công nghệ; điều tra, đánh giá đổi mới công nghệ của doanh nghiệp; hỗ trợ hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ địa phương;

c) Tổ chức hội thảo triển lãm giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ sở nghiên cứu, đào tạo; ngày hội khởi nghiệp công nghệ và các sự kiện về đổi mới sáng tạo; triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

và công nghệ tiềm năng thương mại hóa ở trong nước và nước ngoài; hội nghị phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hội nghị phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ thị trường khoa học và công nghệ; duy trì, cập nhật và phát triển cơ sở dữ liệu, cổng thông tin, trang thông tin điện tử về thị trường khoa học và công nghệ; khảo sát xác định giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ;

d) Các hoạt động cần thiết khác để xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

3. Hoạt động quản lý Chương trình bao gồm:

a) Hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình; hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình của Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Truyền thông, tập huấn về việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình;

c) Tổ chức các chương trình tham quan, khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm từ các mô hình phát triển thị trường khoa học và công nghệ thành công, tiêu biểu ở trong nước và nước ngoài;

d) Các hoạt động khác trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

Điều 4. Dự án đầu tư thuộc Chương trình

1.[4] Thủ tục thẩm định, tổ chức thực hiện, điều chỉnh nội dung tiến độ thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho các sàn giao dịch công nghệ công lập, trung tâm giao dịch công nghệ công lập thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức trung gian công lập khác được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Nguyên tắc chung xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình

Việc xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình tuân theo nguyên tắc sau đây:

1.[5] Có nội dung phù hợp với định hướng nhiệm vụ của Chương trình được quy

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

định trong Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Khung Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

2. Có mục tiêu rõ ràng, cụ thể và có tác động tích cực đến tăng trưởng giao dịch công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

3. Có tính khả thi, trong đó tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện cần thiết về năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, tài chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

4. Nội dung hoạt động đã được cấp kinh phí ngân sách nhà nước theo các nguồn khác để thực hiện thì không được xem xét hỗ trợ kinh phí ngân sách nhà nước theo nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5.[6] Một nhiệm vụ có thể bao gồm một hoặc một số nội dung thuộc các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

6.[7] Việc xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình có thể được thực hiện hàng năm hoặc trong một giai đoạn phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Điều 6. Mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình[8]

Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện việc ghi mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quy định tại các điểm a, c, d Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, tương ứng như sau:

TTKHCN.ĐT.XX-YY;

TTKHCN.ĐA.XX-YY;

TTKHCN.DA.XX-YY;

TTKHCN.HĐ.XX-YY.

Trong đó:

TTKHCN là ký hiệu của Chương trình;

ĐT là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức đề tài;

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

[8] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

ĐA là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức đề án;

DA là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức dự án;

HĐ là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức nhiệm vụ hàng năm, định kỳ;

XX là ký hiệu số thứ tự của hồ sơ đăng ký;

YY là ký hiệu năm tiếp nhận hồ sơ đăng ký;

Ví dụ: TTKHCN.DA.01-2016 để chỉ hồ sơ đăng ký dưới dạng dự án số 01 được tiếp nhận vào năm 2016 thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

Chương II
TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN LỰA CHỌN, NỘI DUNG HỖ TRỢ

Điều 7. Đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Mục tiêu, nội dung và sản phẩm nghiên cứu phù hợp với mục tiêu, nội dung nhiệm vụ thuộc Chương trình;

c) Có đội ngũ chuyên gia có năng lực nghiên cứu và đưa ra giải pháp khả thi cho những vấn đề thực tiễn để phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về cơ chế quản lý, chức năng bộ máy quản lý nhà nước phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Nghiên cứu đề xuất biện pháp tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể tham gia giao dịch công nghệ;

c) Nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ tiêu phục vụ điều tra, khảo sát, thống kê, báo cáo, đánh giá năng lực cung và cầu công nghệ;

d) Nghiên cứu xây dựng quy hoạch, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển mạng lưới tổ chức trung gian, khuyến khích phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ;

đ) Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nâng cao nhận thức về thị trường khoa học và công nghệ;

e) Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy quan hệ cung - cầu công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức trung gian;

g) Nghiên cứu đề xuất cơ chế hợp tác công tư, liên kết giữa tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà tư

vấn để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

h) Nghiên cứu đổi mới hoạt động của hệ thống quỹ khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm phục vụ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

i) Nghiên cứu đổi mới quy trình, thủ tục đăng ký thành lập và hoạt động của tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ;

k) Nghiên cứu xây dựng cơ chế phối hợp, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 8. Dự án đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ

Tiêu chí, điều kiện lựa chọn và nội dung hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, sàn giao dịch công nghệ vùng, trung tâm giao dịch công nghệ công lập thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về dự án đầu tư phát triển.

Điều 9. Dự án thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian[9]

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ;

b) Có dự án thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Tư vấn, xây dựng, thẩm định đề án thành lập, nâng cao năng lực tổ chức, hoạt động của tổ chức trung gian;

b) Đào tạo kỹ năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặt hàng thực hiện dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, môi giới, tư vấn, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, tài sản trí tuệ;

c) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về thành lập, quản lý, điều hành tổ chức trung gian; đào tạo nhân lực chuyên môn cho tổ chức trung gian;

d) Hoạt động thuộc chức năng của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ;

đ) Xây dựng, duy trì, cập nhật và phát triển cơ sở dữ liệu, cổng thông tin, trang thông tin điện tử về thị trường khoa học và công nghệ.

---

[9] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

Điều 10. Dự án xây dựng các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn, nội dung hỗ trợ đối với dự án thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 19/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, Thông tư liên tịch số 49/TTLT-BTC-BKHCN ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính của Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

2. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn, nội dung hỗ trợ đối với dự án đầu tư xây dựng cơ bản các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo các quy định pháp luật đối với dự án đầu tư phát triển.

3. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn, nội dung hỗ trợ hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã thành lập thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 9 và Khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức liên quan đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Có đội ngũ cán bộ, chuyên gia, cộng tác viên có khả năng chuyên môn phù hợp với công tác phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Có khung chương trình đào tạo, khung tài liệu giảng dạy phù hợp với mục đích, nhu cầu thực tiễn của đối tượng được đào tạo được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt hoặc chấp thuận.

2. Nội dung hỗ trợ

a)[10] Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở trong và ngoài nước, đào tạo qua mạng thông tin điện tử về kiến thức, kỹ năng, thực hành chuyển giao, làm chủ công nghệ; kiến thức, kỹ năng, thực hành quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

[10] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

b) Đào tạo bồi dưỡng, tập huấn ở trong và ngoài nước, đào tạo qua mạng thông tin điện tử về nghiệp vụ chuyên môn phục vụ công tác phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Biên soạn, phát hành tài liệu kỹ thuật, tài liệu mẫu, tài liệu hướng dẫn giao dịch công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; cung cấp, hướng dẫn khai thác thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình trao đổi chuyên gia, thực tập viên để chia sẻ kinh nghiệm thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ giữa các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

Điều 12. Dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ;

b) Có đội ngũ nhân lực chuyên môn hoặc có liên kết, hợp tác với tổ chức có đội ngũ nhân lực chuyên môn có năng lực đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ;

c) Xác định được tiêu chí đánh giá phù hợp với mục đích đánh giá;

d) Đề xuất được phương thức đánh giá khả thi và phù hợp với đặc điểm nguồn cung công nghệ, nguồn cầu công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Tìm kiếm, chọn lọc công nghệ, thông tin công nghệ từ cơ sở dữ liệu, mạng thông tin điện tử theo đặt hàng cung - cầu công nghệ;

b) Xây dựng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu về nguồn cung công nghệ, nguồn cầu công nghệ và kết nối cung - cầu công nghệ;

c) Thiết lập, duy trì và phát triển các kênh thông tin tư vấn, cổng thông tin điện tử về giao dịch công nghệ (gồm cả techmart online), thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

d) Đánh giá năng lực và khả năng khai thác nguồn cung công nghệ, nguồn cầu công nghệ.

Điều 13. Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ[11]

[11] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có khả năng xây dựng phương án, mô hình, giải pháp khả thi để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; hoặc

b) Tổ chức, cá nhân có công nghệ, sản phẩm công nghệ có khả năng tăng trưởng về quy mô thị trường; tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ, sử dụng sản phẩm công nghệ; tổ chức, cá nhân đặt hàng sản xuất, chuyển giao công nghệ, hợp tác đầu tư, tiêu thụ sản phẩm.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Thuê chuyên gia xây dựng phương án thương mại hóa, đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ. Nội dung phương án bao gồm: xây dựng mô hình, chiến lược kinh doanh; phương án giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phương án chuyển giao công nghệ; phương án đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phương án ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; phương án thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc doanh nghiệp;

b) Hoàn thiện, thử nghiệm sản phẩm công nghệ (làm sản phẩm mẫu, mô hình mẫu, làm sản phẩm thử nghiệm, tổ chức khảo sát, thử nghiệm thị trường, đánh giá kết quả thử nghiệm thị trường, hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm công nghệ); xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm định, hiệu chuẩn công nghệ, hiệu chuẩn sản phẩm công nghệ; các thủ tục liên quan đến đăng ký sở hữu trí tuệ, cấp phép lưu hành công nghệ, sản phẩm công nghệ;

c) Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ công phục vụ lợi ích cộng đồng, an sinh xã hội;

d) Tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng, thực hành chuyển giao, làm chủ công nghệ; kiến thức, kỹ năng, thực hành quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

đ) Tham gia các sự kiện xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế;

e) Xây dựng kịch bản, sản phẩm truyền thông theo chuyên đề về thương mại hóa công nghệ, sản phẩm công nghệ.

Điều 14. Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Có đội ngũ nhân lực chuyên môn có khả năng thực hiện hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Có kế hoạch hoạt động cụ thể và đảm bảo nguồn lực thực hiện dự án;

d) Xác định được cách thức, biện pháp đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường khoa học và công nghệ.

2.[12] Nội dung hỗ trợ

a) Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường, thu thập thông tin, xác định đối tượng tiềm năng của hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Tổ chức hoặc tham gia các sự kiện chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techmart ảo, Techmart trực tuyến; hội thảo, tọa đàm phổ biến công nghệ thích hợp, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), xúc tiến thương mại hóa công nghệ; tổ chức hội thảo triển lãm giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ sở nghiên cứu, đào tạo; ngày hội khởi nghiệp công nghệ và các sự kiện về đổi mới sáng tạo; triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ tiềm năng thương mại hóa ở trong nước và nước ngoài; hội nghị phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hội nghị phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, bao gồm các hoạt động sau:

- Hoạt động của chuyên gia tư vấn chỉ đạo, thiết kế mỹ thuật, trang trí tổng thể, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng;

- Lễ khai mạc, hoạt động của người dẫn chương trình, hỗ trợ kỹ thuật;

- Hoạt động của người tham gia sự kiện, bao gồm đi lại, ăn ở, vận chuyển trang thiết bị, hàng mẫu, mô hình;

- Hoạt động của ban tổ chức, hội đồng tư vấn, hội đồng xét thưởng, chuyên gia tư vấn, nhà khoa học độc lập, người tham gia trưng bày gian hàng, các thành phần khác tham gia sự kiện;

- Thông tin liên lạc, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng; lập dữ liệu điện tử để quảng bá sự kiện;

- In ấn tài liệu cần thiết (brochure, catalog, giấy mời...) của sự kiện;

- Dịch thuật; tổ chức hội thảo khoa học và công nghệ;

- Thuê mặt bằng (bao gồm cả an ninh, bảo vệ, điện nước); dàn dựng gian hàng; trưng bày sản phẩm;

- Khen thưởng (bằng khen, giấy khen), giấy chứng nhận, phù điêu, kỷ niệm chương; tổ chức lễ trao thưởng;

- Các hoạt động cần thiết khác.

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

c) Tư vấn, giới thiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại hóa công nghệ mới, sản phẩm tạo ra từ công nghệ mới của tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cá nhân nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sàn giao dịch công nghệ và các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 15. Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ triển khai các hoạt động truyền thông để phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Có đội ngũ nhân lực, cộng tác viên có nghiệp vụ chuyên môn thực hiện các hoạt động truyền thông để phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Xác định được đúng nhu cầu, có mục tiêu cụ thể, chiến lược hoạt động rõ ràng;

d) Xác định được phương thức, dự kiến hiệu quả của hoạt động truyền thông; cách thức truyền thông có tính mới.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Xây dựng kịch bản, thu thập thông tin, triển khai nội dung chuyên môn của chương trình truyền thông (gồm cả chương trình phát thanh, phát hình, phóng sự, trò chơi, tọa đàm) về đổi mới sáng tạo, liên kết đầu tư nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

b) Vinh danh, khen thưởng tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong đổi mới sáng tạo, xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

c) Truyền thông về việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình và các hoạt động khác để tăng hiệu ứng lan tỏa của Chương trình.

Chương III
XÁC ĐỊNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 16. Xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình[13]

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 16a của Thông tư này.

[13] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

2. Đối với nhiệm vụ được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về dự án đầu tư phát triển.

3. Đối với nhiệm vụ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 16b của Thông tư này.

Điều 16a. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình[14]

1. Bộ, ngành, địa phương xây dựng, phê duyệt và gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ đáp ứng tiêu chí, điều kiện lựa chọn quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Thông tư này:

a) Tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ chủ động gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Ban chủ nhiệm Chương trình phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tìm kiếm, đề xuất đặt hàng của Bộ Khoa học và Công nghệ trên cơ sở các tiêu chí sau đây:

- Có tính liên vùng, liên ngành;

- Có khả năng thương mại hóa và có tính lan tỏa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường;

- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

3. Việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển

[14] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

chọn, giao trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN; Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ"; Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

4. Thuyết minh, nhận xét, đánh giá các nhiệm vụ được quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 và Điều 15 của Thông tư này theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Đối với dự án thành thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian quy định tại Điều 9 theo mẫu: B1-1-TMDATG; B1-2-NXDATG, B1-3-ĐGDATG quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 11 theo mẫu: B2-1-TMDAĐT; B2-2-NXDAĐT, B2-3-ĐGDAĐT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ quy định tại Điều 12 theo mẫu: B3-1-TMDAĐG; B3-2-NXDAĐG, B3-3-ĐGDAĐG quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Đối với dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ quy định tại Điều 13 theo mẫu: B4-1-TMDATMH, B4-2-NXDATMH, B4-3-ĐGDATMH quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Đối với dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 14 theo mẫu: B5-1-TMDAXT, B5-2-NXDAXT, B5-3-ĐGDAXT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Đối với dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 15 theo mẫu: B6-1-TMDATT, B6-2-NXDATT, B6-3-ĐGDATT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Yêu cầu tra cứu thông tin đối với các nhiệm vụ quy định tại Điều 7, 9, 11, 12, 13, 14 và Điều 15 theo mẫu B7-YCTrC quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Các tài liệu khác áp dụng mẫu tương ứng theo quy định của các văn bản pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 16b. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ[15]

1. Hàng năm, các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ gửi thuyết minh nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo mẫu B8-1-TMNV quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tổng hợp rà soát, tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định danh mục nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn và tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ (*sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định*).

3. Hội đồng thẩm định:

a) Thành phần hội đồng thẩm định gồm 05 thành viên, trong đó:

- Một (01) chủ tịch hội đồng là đại diện của Ban Chủ nhiệm Chương trình;

- Một (01) phó chủ tịch hội đồng là chuyên gia trong lĩnh vực phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

- Ba (03) thành viên là đại diện của các đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ Tài chính và Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

b) Nguyên tắc làm việc của hội đồng thẩm định:

- Phải có mặt ít nhất 4/5 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

- Hội đồng lập Biên bản thẩm định nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mẫu B8-2-BBTĐ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Căn cứ kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt giao trực tiếp đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

---

[15] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

5. Căn cứ Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì theo mẫu B8-3-HĐ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu B8-4-BCĐG quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ để tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ.

7. Hội đồng đánh giá nghiệm thu:

a) Thành phần hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ gồm 05 thành viên, trong đó:

- Một (01) chủ tịch hội đồng là đại diện của Ban Chủ nhiệm Chương trình;

- Một (01) phó chủ tịch hội đồng là chuyên gia trong lĩnh vực phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

- Ba (03) thành viên là đại diện của các đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ Tài chính và Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

b) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng đánh giá nghiệm thu:

- Phải có mặt ít nhất 4/5 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch.

- Hội đồng lập Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu B8-5-BBNT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Căn cứ Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Thủ tục thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo mẫu B8-6-TLHĐ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. ***(được bãi bỏ)***[16]

Điều 18. ***(được bãi bỏ)***[17]

Điều 19. ***(được bãi bỏ)***[18]

---

[16] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

[17] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

[18] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

Điều 20. ***(được bãi bỏ)***[19]

Điều 21. ***(được bãi bỏ)***[20]

Điều 22. ***(được bãi bỏ)***[21]

Điều 23. ***(được bãi bỏ)***[22]

Điều 24. ***(được bãi bỏ)***[23]

Chương IV
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện Chương trình

1. Việc tổ chức thực hiện Chương trình được thực hiện theo Điểm b Khoản 1 Mục IV và Mục V, Điều 1 Quyết định số 2075/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08 tháng 11 năm 2013 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

2. Ban Chủ nhiệm Chương trình được thành lập và hoạt động theo quy chế do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

3.[24] Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xác định nhiệm vụ; tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ; thực

---

[19] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

[20] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

[21] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

[22] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

[23] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

[24] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

hiện thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

4.[25] Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện thủ tục ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí thực hiện hợp đồng và các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

5.[26] Kinh phí cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động của Chương trình được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm cấp cho Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, kinh phí của chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương và các nguồn khác theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn các tổ chức đăng ký tham gia, thực hiện Chương trình.

3. Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ; quyết định phê duyệt và giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

4. Phê duyệt nội dung, kinh phí hỗ trợ cho các nhiệm vụ của Chương trình; hướng dẫn bộ, ngành, địa phương tự bố trí kinh phí lồng ghép và phê duyệt, tổ chức triển khai.

5. Phê duyệt nội dung và kinh phí hoạt động của Chương trình để bố trí vào kế hoạch ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm.

6. Phê duyệt kế hoạch, mục tiêu, nội dung, dự toán kinh phí, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình; đình chỉ và hủy bỏ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khi cần thiết; xử lý các vấn đề phát sinh từ các nhiệm vụ bị đình chỉ hoặc hủy bỏ.

---

[25] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

[26] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

7. Phê duyệt quyết toán kinh phí của các nhiệm vụ thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động của Chương trình.

Điều 27. Trách nhiệm của Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình; phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán kinh phí quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình; tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ; thống nhất với các đơn vị có liên quan về việc điều chỉnh nội dung, kinh phí thông qua Vụ Kế hoạch - Tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

2. Tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt; tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Chủ trì xây dựng báo cáo định kỳ, sơ kết giữa kỳ, báo cáo đánh giá và tổng kết việc thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình.

4. Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hình thức khen thưởng tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có biện pháp xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

6. Tư vấn, hỗ trợ hoạt động giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ được tạo ra từ các nhiệm vụ thuộc Chương trình; báo cáo tình hình khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ tạo ra từ các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

7. Xây dựng, duy trì, cập nhật tình hình thực hiện các nhiệm vụ trên trang tin điện tử của Chương trình; thông tin tuyên truyền về hoạt động của Chương trình; phổ biến kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

Điều 28. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1.[27] Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất nhiệm vụ tham gia Chương trình, hướng dẫn xây dựng kế hoạch

[27] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

và triển khai chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Bố trí kinh phí, quản lý việc tổ chức thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc Chương trình được lồng ghép với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương.

3. Trong trường hợp cần thiết, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hạng mục kinh phí và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình đã được phê duyệt.

4. Định kỳ 6 tháng và hàng năm gửi báo cáo về tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình cho Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5.[28] Xây dựng chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương trên cơ sở các nội dung của Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020; huy động các nguồn kinh phí khác theo quy định để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì[29]

1. Tổ chức triển khai các nội dung đã được phê duyệt để thực hiện mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ thuộc Chương trình.

2. Chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo mục tiêu, nội dung và tiến độ đề ra.

4. Kiến nghị bằng văn bản với Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ) về việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, giải pháp, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Chương trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế và quy định hiện hành.

5. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, hàng năm, sơ kết giữa kỳ, tổng kết) và đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ của Chương trình và báo cáo quyết toán kinh phí với cấp có thẩm quyền.

---

[28] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

[29] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[30]

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2014.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 01/VBHN-BKHCN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tùng

[30] Điều 2 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./."

Phụ lục

MẪU ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. **B1-1-TMDATG:** Thuyết minh dự án thành thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.
2. **B1-2-NXDATG:** Phiếu nhận xét dự án thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.
3. **B1-3-ĐGDATG:** Phiếu đánh giá dự án thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.
4. **B2-1-TMDAĐT:** Thuyết minh dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
5. **B2-2-NXDAĐT:** Phiếu nhận xét dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
6. **B2-3-ĐGDAĐT:** Phiếu đánh giá dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
7. **B3-1-TMDAĐG:** Thuyết minh dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ.
8. **B3-2-NXDAĐG:** Phiếu nhận xét dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ.
9. **B3-3-ĐGTMĐT:** Phiếu đánh giá dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ.
10. **B4-1-TMDATMH:** Thuyết minh dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
11. **B4-2-NXDATMH:** Phiếu nhận xét dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
12. **B4-3-ĐGTMTMH:** Phiếu đánh giá dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
13. **B5-1-TMDAXT:** Thuyết minh dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
14. **B5-2-NXDAXT:** Phiếu nhận xét dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
15. **B5-3-ĐGTMXT:** Phiếu đánh giá dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
16. **B6-1-TMDATT:** Thuyết minh dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

17. **B6-2-NXDATT:** Phiếu nhận xét dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
18. **B6-3-ĐGTMTT:** Phiếu đánh giá dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
19. **B7-YCTrC:** Phiếu yêu cầu tra cứu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
20. **B8-1-TMNV:** Thuyết minh nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
21. **B8-2-BBTĐ:** Biên bản đánh giá nội dung và thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
22. **B8-3-HĐ:** Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
23. **B8-4-BCĐG:** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
24. **B8-5-BBNT:** Biên bản đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
25. **B8-6-TTHĐ:** Biên bản thanh lý hợp đồng nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Biểu B1-1-TMDATG
08/2016/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN THÀNH LẬP, PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TRUNG GIAN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	**Tên Dự án:**	**2**	**Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)*:
3	**Thời gian thực hiện:..... tháng** *(từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)*		
4	**Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó**		

Nguồn	**Kinh phí** *(triệu đồng)*
- Từ Ngân sách nhà nước:	
- Từ nguồn tự có của tổ chức:	
- Từ nguồn khác:	

5	**Phương thức khoán chi:**	
☐ Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	☐ Khoán chi từng phần, trong đó:	
	- Kinh phí khoán:..... triệu đồng	
	- Kinh phí không khoán:..... triệu đồng	

6 Chủ nhiệm dự án:

Họ và tên:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐/Nữ: ☐
Học hàm, học vị:..... Chức vụ:.....
Điện thoại: Tổ chức:..... Di động:.....
Fax:..... E-mail:.....
Tên tổ chức đang công tác:.....
Địa chỉ tổ chức:.....

7 Thư ký dự án:

Họ và tên:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐/Nữ: ☐
Học hàm, học vị:..... Chức vụ:.....
Điện thoại: Tổ chức:..... Di động:.....
Fax:..... E-mail:.....
Tên tổ chức đang công tác:.....
Địa chỉ tổ chức:.....

8 Tổ chức chủ trì thực hiện dự án

Tên tổ chức chủ trì:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản:.....

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....

Tên cơ quan chủ quản:.....

9 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có)**:**

9.1. Tổ chức 1:.....

Cơ quan chủ quản:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

9.2. Tổ chức 2:.....

Cơ quan chủ quản: .....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

10 Các cán bộ thực hiện dự án:

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11 **Mục tiêu:** *(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

.....

.....

.....

12 **Sự cần thiết thành lập tổ chức trung gian**

12.1. Căn cứ pháp lý:

.....

.....

.....

.....

.....

12.2. Hiện trạng và sự cần thiết về hoạt động của tổ chức trung gian

.....

.....

.....

.....

.....

12.3. Nhu cầu xã hội

.....

.....

.....

.....

.....

13 **Khái quát về tổ chức trung gian**

13.1. Tên gọi của tổ chức

.....

.....

.....

.....

.....

13.2. Tầm nhìn và sứ mạng

.....

.....

.....

.....

.....

13.3. Chức năng và nhiệm vụ

.....

.....

.....

.....

.....

13.4. Cơ cấu tổ chức

.....

.....

.....

.....

.....

14 Nội dung hoạt động và lộ trình thực hiện

14.1. Nội dung 1

.....

.....

.....

.....

.....

14.2. Nội dung 2

.....

.....

.....

.....

.....

14.3. Nội dung 3

.....

.....

.....

.....

.....

15 Năng lực thực hiện dự án

.....

.....

.....

.....

.....

16 Phương án triển khai:

15.1. Phương án tổ chức triển khai:

.....

.....

.....

.....

15.2. Phương án về tài chính:

.....

.....

.....

.....

15.3. Phương án hợp tác quốc tế** (nếu có)**:

.....

.....

.....

.....

17 Kết quả, sản phẩm của dự án

TT	*Tên kết quả, sản phẩm*	*Yêu cầu phải đạt*	*Ghi chú*
1			
2			
3			
...			

18 Lợi ích của dự án

18.1. Góp phần phát triển thị trường khoa học và công nghệ

.....

.....

.....

.....

.....

.....

18.2. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội

.....

.....

.....

.....

.....

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ

19	**Tiến độ thực hiện**				
TT	**Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu**	**Kết quả phải đạt**	**Thời gian** (bắt đầu, kết thúc)	**Cá nhân, tổ chức thực hiện***	**Dự kiến kinh phí *(đồng)***
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	***Nội dung 1***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				
2	***Nội dung 2***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				
3	***Nội dung 3***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				
	Tổng số:				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20	**Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí**											
TT	**Nguồn kinh phí**	**Tổng cộng**	**Trong đó**									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tự đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	**Ngân sách SNKH:** - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	**Các nguồn khác:** *2.1. Vốn tự có của cơ sở:* - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: *2.2. Khác (vốn huy động, ...):* - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
Cộng:												

**): chỉ dự toán khi dự án đã được phê duyệt*

……, ngày..... tháng..... năm 20....
Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

……, ngày..... tháng..... năm 20....
Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

……, ngày..... tháng..... năm 20....
Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

……, ngày..... tháng..... năm 20....
Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ *(%)*	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	*Tiền công theo chức danh*					
1.2	*Tiền công thuê chuyên gia*					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	*Hội thảo khoa học*					
4.2	*Công tác phí*					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện *(ngày)*
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu…	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn…	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10
7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện *(ngày)*
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				**365**

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	1.210.000 x 0,79 x 100	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	1.210.000 x 0,49 x 75	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	1.210.000 x 0,49 x 80	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	1.210.000 x 0,25 x 80	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	1.210.000 x 0,16 x 30	5.808.000
Tổng số:							**217.497.500**

1.2. Tiền công thuê chuyên gia[1] (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện *(tháng)*	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	**Chuyên gia trong nước**						
1							
2							
…							
II	**Chuyên gia nước ngoài**						
1							
2							
…							
Tổng số:							

[1] Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;

- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: đồng

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
…					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc

Đơn vị: đồng

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
…					
Tổng số:					

(Xem tiếp Công báo số 275 + 276)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng